**TUẦN 7**

**TIẾT 31 : BÀI: LUYỆN TẬP CHUNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Thực hành cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20.

- Thực hành vận dụng: “Quan hệ cộng, trừ” và thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ

- Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các năng lực toán học.

- Phát triển NLtư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. GV:** Laptop; màn hình máy chiếu; clip, slide minh họa, …

2. **Học sinh**: SHS, vở ô li, VBT, nháp, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Khởi động**  - GV cho HS chơi trò chơi “Đố bạn” theo cặp.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh, ai đúng”.  - GV cho HS chơi trò chơi “Đố bạn”.  - GV đánh giá HS chơi.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới ghi bảng. | - Hát  **\*BHT điều khiển:**  - HS lắng nghe luật chơi  - HS 1 nêu 1 phép trừ có tổng bằng 20.  - HS 2: Nêu 2 phép trừ lập được từ phép cộng.  - HS nhắc lại tựa bài. |
| **2. Luyện tập - Thực hành**  **Bài 1:**  **-** Cho hs đọc đề  - Cho hs xem tranh /40.  - GV nêu yêu cầu: Các em hãy giúp chú heo vả chú voi thực hiện các phép tính cộng trừ.  -Yêu cầu hs làm bài  - Cho hs chữa bài  - Cho HS nhận xét  - GV nhận xét và chiếu đáp án đúng    **Bài 2**  - Cho hs đọc đề bài.  - Yêu cầu bài tập làm gì?  - Yêu cầu HS làm bài.  - Gọi hs chữa bài, yêu cầu lớp nhận xét.  - GV chiếu đáp án.  - Yêu cầu học sinh nhận xét từng cặp phép tính trên.  **- Bài 1, 2 ôn lại cho em kiến thức gì?** | - 1 HS đọc đề.  - HS quan sát  - HS lắng nghe yêu cầu.    **- Cá nhân:** HS suy nghĩ làm bài.  - **Nhóm 4**: HS đổi vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\* Dự kiến:**  4 + 7 = 11  11 - 8 = 3                          5 + 9 = 14  7 + 9 = 16                           13 - 8 = 5  12 - 8 = 4                            7 + 5 = 12  5 + 6 = 11                          15 - 9 = 6  14 - 7 = 7                            4 + 8 = 12  6+ 8 - 14                            12 - 4 = 8  - HS đọc đề bài  - HS nêu yêu cầu bài tập. Tính nhẩm.  **- Cá nhân:** HS suy nghĩ làm bài.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\* Dự kiến:**  9 + 6 = 15   9 + 8 = 17       8 + 5 = 13  6 + 9 = 15       8 + 9 = 17       5 + 8 = 13  15 - 9 = 6       17 - 8 = 9         13 - 5 = 8  15 - 6 = 9       17 - 9 = 8        13 - 8 = 5  - HS đối chiếu đáp án trên bảng  - HS nêu ý kiến – HS nhận xét.  - Em sử dụng bảng cộng (có nhớ) trong phạm vi 20 và bảng trừ (có nhớ) trong phạm vi 20 để thực hiện các phép tính. |
| **Bài 3**  - Cho hs đọc đề bài.  - Yêu cầu bài tập làm gì?  - Yêu cầu HS làm bài.  - Gọi hs chữa bài, yêu cầu lớp nhận xét.  - GV nhận xét và chiếu đáp án đúng | - HS đọc đề bài.  - HS nêu yêu cầu.  **- Cá nhân:** HS suy nghĩ làm bài.  - **Nhóm 2**: HS đổi vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\* Dự kiến:**  https://i.vdoc.vn/data/image/2021/09/05/bai-3-toan-lop-2-trang-40-tap-1-canh-dieu-anh-so-2.jpg  -HS dò bài đối chiếu với bài của gv |
| **3.Vận dụng, trải nghiệm**  - Yêu cầu HS nêu một số phép tính cộng có nhớ trong phạm vi 20  - GV cho một số chia sẻ trước lớp  - GV nhận xét tuyên dương  - Cho hs nêu lại nội dung bài học hôm  nay?  - Bài học hôm nay cần ghi nhớ  - Cách thực hiện phép cộng, trừ nhẩm , nhận biết mối qua hệ giữa phép +,=  - Cho hs tự đánh giá tiết học  - Dặn dò hoàn thành VBTT trang 34  - Xem trước luyên tập (tt)  - Nhận xét tiết học | - HS nối tiếp nêu phép tính yêu cầu bạn trả lời.  - Một số nhóm chia sẻ hỏi đáp trược lớp  - HS lắng nghe.  - 1em nêu bài học.  - HS lắng nghe.  - HS tự đánh giá.  - Thực hiện tại nhà.  - HS lắng nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH TIẾT HỌC (NẾU CÓ)**

***………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

***………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

**TIẾT 32 : LUYỆN TẬP CHUNG (TT)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Thực hành cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 20

- Thực hành vận dụng: “Quan hệ cộng, trừ” và thực hiện tính toán trong trường hợp có hai dấu phép tính cộng, trừ

- Vận dụng được các phép tính đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các năng lực toán học.

-Phát triển NLtư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. GV:** Laptop; màn hình máy chiếu; clip, slide minh họa, …

**2.** **Học sinh**: SHS, vở ô li, VBT, nháp, ...

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - GV cho HS chơi trò chơi “Đố bạn” theo cặp.  - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Ai nhanh, ai đúng ”  - GV cho HS chơi trò chơi “Đố bạn”  - GV đánh giá HS chơi  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới ghi bảng | - Hát  **\*BHT điều khiển:**  - HS lắng nghe luật chơi  - HS 1 nêu 1 phép trừ có tổng bằng 20  - HS2: Nêu 2 phép trừ lập ược từ phép cộng  - HS nhắc lại tựa. |
| **2. Luyện tập - Thực hành**  **Bài 4**  - Cho hs đọc đề bài.  - Yêu cầu bài tập làm gì?  - Để thực hiện được dãy tính em làm thế nào?  - Yêu cầu HS làm bài.  - Gọi hs chữa bài, yêu cầu lớp nhận xét.  - GV chiếu đáp án.  **- Chốt:** Với phép tính có 2 dấu =, hoặc 2 dấu +, 2 dấu –, ta thực hiên lần lượt từ trái sang phải.  **Bài 5**  - Cho hs đọc đề bài.  - Yêu cầu bài tập làm gì?  - Yêu cầu HS làm bài.  - Gọi hs chữa bài, yêu cầu lớp nhận xét.  - GV chiếu đáp án.  **- Chốt:** Cách so sánh bằng cách dựa vào bảng số từ 1 đến 100, hoặc so sánh chữ số từng hàng. | - HS đọc đề bài  - HS nêu yêu cầu bài tập. Tính  - Em thực hiện phép tính từ trái sáng phải.  **- Cá nhân:** HS suy nghĩ làm bài.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - nhận xét, đánh giá.  **\* Dự kiến:**  9 + 1 + 8 = 18              11 - 1 - 3 = 7  8 + 2 + 5 = 15               14 - 4 - 1 = 9      4 + 6 + 7 = 17               19 - 9 - 6 = 4       7 + 3 - 4 = 6  13 - 3 + 8 = 18  15 - 5 + 7 = 17  - HS đối chiếu đáp án trên bảng.  - HS lắng nghe.  - HS đọc đề bài.  - HS nêu yêu cầu.  **- Cá nhân:** HS suy nghĩ làm bài.  - **Nhóm 4**: HS đổi vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  **\* Dự kiến:**  7+ 5 > 11 14 -3 < 10  12 9    9+ 6 > 5 + 9 6+ 7 = 7+ 6  15 14 13 13  - HS đối chiếu đáp án trên bảng.  - HS lắng nghe. |
| **Bài 6**:  - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.  - Yêu cầu 2 học sinh trao đổi đề.  - Giáo viên nhận xét.  - Yêu cầu hs làm bài  - GV kiểm tra vở.  - Gọi HS chữa bài, gọi học sinh nhận xét.  - GV chiếu đáp án. | **-** Học sinh đọc đề bài.  **- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.  + Bài toán cho biết gì? (Hiền làm được 12 chiếc chong chóng, Hiền cho các em 9 chiếc.)  + Bài toán hỏi gì? (Hỏi Hiền còn lại mấy chiếc chong chóng?)  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Nhóm 4**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  \* **Dự kiến**  - Phép tính 12 - 9 = 3  -Trả lời: Hiền còn lại 3 chiếc chong chóng.  - HS đối chiếu đáp án trên bảng. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm**  - Cho hs nêu bài toán có dùng phép cộng có nhớ trong phạm vi 20  **-** GV nhận xét tuyên dương  - Hỏi bài toán em vừa nêu thuộc dạng toán nào?  - Yêu cầu HS nêu lại nội dung bài học hôm nay?  - Bài học hôm nay cần ghi nhớ :  - Cách thực hiện phép cộng, trừ nhẩm , nhận biết mối qua hệ giữa phép +,=  - Cho hs tự đánh giá tiết học  - Dặn dò hoàn thành VBTT trang 35  - Chia sẻ với người thân cách thực hiện làm phép trừ khác  - Xem trước Bài toán liên quan đến phép cộng.  - Nhận xét tiết học. | - 1em nêu: Em có 9 nhãn vở mẹ mua thêm cho em 5 nhãn vở nữa. Hỏi em có bao nhiêu nhãn vở?  -Yêu cầu bạn nêu phép tính và câu trả lời.  - HS nêu ý kiến – HS nhận xét.  - Học sinh nêu – HS nhận xét bổ sung.  - HS lắng nghe.  - HS tự đánh giá.  - HS thực hiện tại nhà. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH TIẾT HỌC (NẾU CÓ)**

***………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***

**TIẾT 33: BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN PHÉP CỘNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

**-** Nhận biết: Cách giải bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng.

+ Các thành tố cơ bản của tiến trình suy nghĩ giải bài toán.

+ Cách trình bày bài giải Bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng.

- Phát triển các năng lực toán học.

-Phát triển NLtư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. GV:** Laptop; màn hình máy chiếu; clip, slide minh họa,…..

**2**. **Học sinh**: SHS, vở ô li, VBT, nháp, bộ học toán

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  -Yêu cầu HS Mở đầu thông qua hoạt động **“ Lời mời chơi ”**  - GV phổ biến cách chơi.  - Yêu cầu HS 1 mời bạn nêu một tình huống có sử dụng phép cộng; HS 2 nêu một tình huống: “Em có 3 cái kẹo, mẹ cho em thêm 2 cái kẹo nữa. Em có tất cả bao nhiêu cái kẹo.  - GV dẫn dắt giới thiệu bài ghi bảng. | - Hát  **\*BHT điều khiển:**  - HS lắng nghe luật chơi  \* HS ôn lại tiến trình suy nghĩ giải bài toán có lời văn:  - Đọc bài toán, nói cho bạn nghe: bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?  - Suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.  - HS nhắc lại tựa. |
| **2.Hình thành kiến thức**  - GV đưa bài toán như SGK  - Bài toán cho ta biết những gì?  - Bài toán hỏi gì?  - GV tóm tắt lên bảng  An có : 5 bông hoa  Bình có : 4 bông hoa  Có tất cả: …bông hoa?  - Gợi mở: để HS viết câu trả lời và viết phép tính ứng với câu trả lời.  - GV chốt: Đây là dạng toán gộp ta thực hiện phép cộng. Tiến trình giải bài toán có lời văn theo 3 bước  + Viết câu trả lời (lời giải).  + Viết phép tính.  + Viết đáp số.  - Chuyển sang hoạt động thực hành. | - HS đọc đề bài.  - An có 5 bông hoa, Bình có 4 bông hoa.  - Cả hai bạn có bao nhiêu bông hoa.  - HS ôn lại tiến trình suy nghĩ giải bài toán có lời văn:  - Đọc bài toán, nói cho bạn nghe: bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?  - Suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.  - **Nhóm 2**: HS trao đổi tìm kết quả  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  - HS trình bày kết quả, nêu các cách tính.  **Bài giải**  Hai bạn có tất cả số bông hoa là:  5 + 4 = 9 (bông hoa)  Đáp số: 9 bông hoa  - HS lắng nghe ghi nhớ |
| **3.Luyện tập - Thực hành**  **Bài 1**:  - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.  - Yêu cầu 2 học sinh trao đổi đề.  - Giáo viên nhận xét.  - Yêu cầu hs làm bài.  - GV kiểm tra vở.  - Gọi HS chữa bài, gọi học sinh nhận xét.  - GV chiếu đáp án.  - Ngoài lời giải trên bạn nào có lời giải khác?  - GV hỏi để chốt dạng toán về nhiều hơn.  **Bài 2**:  - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.  - Yêu cầu 2 học sinh trao đổi đề.  - Giáo viên nhận xét.  - Yêu cầu hs làm bài.  - GV kiểm tra vở.  - Gọi HS chữa bài, gọi học sinh nhận xét.  - GV chiếu đáp án.  - Ngoài lời giải trên bạn nào có lời giải khác?  **-Chốt:** dạng toán tính tổng bằng phép cộng. | **-** Học sinh đọc đề bài.  **- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.  + Bài toán cho biết gì? (Long có 10 chiếc bút màu, Bảo có 9 chiếc bút màu.)  + Bài toán hỏi gì? (Hỏi hai bạn có tất cả bao nhiêu chiếc bút màu?)  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Nhóm 2**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  \* **Dự kiến**  **Bài giải**  Hai bạn có tất cả số bút chì là:  10 + 9 = 19 ( chiếc)  Đáp số : 19chiếc bút chì :  - HS đối chiếu đáp án trên bảng  - HS nêu: Số bút chì hai bạn có tất cả là. - HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  **-** Học sinh đọc đề bài.  **- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.  + Bài toán cho biết gì? **(Trong phòng máy có 9 bộ máy tính, người ta mang thêm vào 3 bộ).**  + Bài toán hỏi gì? **(Hỏi trong phòng đó có tất cả bao nhiêu bộ máy tính?)**  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Nhóm 4**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  \* **Dự kiến**  **Bài giải**  Trong phòng đó có tất cả số bộ máy tính là:  9 + 3 = 12 (bộ)  Đáp số: 12 bộ máy tính  - HS đối chiếu đáp án trên bảng  - HS nêu ý kiến Số bộ máy tính trong phòng đó có tất cả là:  – HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm**  - Yêu cầu HS tự nêu một bài toán trong thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ.  - Yêu cầu HS trình bày miệng bài giải đó  - GV nhận xét và liên hệ đến các tình huống trong thực tế.  - Yêu cầu HS nêu lại nội dung bài học hôm nay?  - Cho hs tự đánh giá tiết học  - Dặn dò hoàn thành VBTT trang 35  - Xem trước bài toán liên quan đến phép trừ  - GV nhận xét tiết học. | - HS nêu: Em có 9 nhãn vở, cho bạn 5 nhãn vở. Hỏi em còn lại bao nhiêu nhãn vở?  - HS trình bày câu trả lời, phép tính, đáp số.  - HS lắng nghe.  - Tiến trình giải toán có lời văn, cách trình bày bài giải, ghi câu trả lời, ghi phép tính, ghi đáp số.  - HS tự đánh giá.  - Thực hiện tại nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH TIẾT DẠY (NẾU CÓ)**

***………………………………………………………………………………………***

***………………………………………………………………………………………***

***………………………………………………………………………………………***

***………………………………………………………………………………………***

***………………………………………………………………………………………***

***………………………………………………………………………………………***

**TIẾT 34 : BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN PHÉP TRỪ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

**-** Nhận biết: Cách giải bài toán có lời văn liên quan đến phép trừ.

- Các thành tố cơ bản của tiến trình suy nghĩ giải bài toán

- Cách trình bày bài giải Bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ

- Phát triển các năng lực toán học.

- Phát triển NLtư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. GV:** Laptop; màn hình máy chiếu; clip, slide minh họa, …

**2**. **Học sinh**: bộ học toán

**IV. CÁCH HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Yêu cầu HS Mở đầu thông qua hoạt động **“ Lời mời chơi ”**  - GV phổ biến cách chơi.  - GV nhận xét, tuyên dương HS.  - Yêu cầu HS 1 mời bạn nêu một tình huống có sử dụng phép cộng; HS 2 nêu một tình huống: “Mẹ có 7 cái kẹo, mẹ cho em 2 cái kẹo. Hỏi mẹ còn bao nhiêu cái kẹo?  - GV dẫn dắt giới thiệu bài ghi bảng: | - Hát  **\*BHT điều khiển:**  - HS lắng nghe.  \* HS ôn lại tiến trình suy nghĩ giải bài toán có lời văn:  - Đọc bài toán, nói cho bạn nghe: bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì?  - Suy nghĩ lựa chọn phép tính để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra.  - HS nhắc lại tựa. |
| **2.Hình thành kiến thức**  - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.  - Yêu cầu 2 học sinh trao đổi đề.  - GV tóm tắt lên bảng  - Có : 10 chiếc bút màu  - Lấy đi : 3 chiếc bút màu  - Còn lại: … ? chiếc bút màu  - Gợi mở: để hs viết câu trả lời và viết phép tính ứng với câu trả lời.  - GV chốt: Đây là dạng toán liên quan đến bớt, ta thực hiện phép trừ. Tiến trình giải bài toán có lời văn theo 3 bước  + Viết câu trả lời (lời giải).  + Viết phép tính.  + Viết đáp số.  - Chuyển sang hoạt động thực hành. | **-** Học sinh đọc đề bài.  **- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.  + Bài toán cho biết gì? (Trong hộp có 10 chiếc bút chì màu, Linh lấy đi 3 chiếc).  + Bài toán hỏi gì? (Trong hộp còn lại mấy chiếc bút chì màu)  - HS theo dõi.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  \* **Dự kiến**  **Bài giải**  Trong hộp còn lại số chiếc bút màu là :  10 – 3 = 7 (chiếc)  Đáp số: 7 chiếc bút màu  -HS lắng nghe ghi nhớ |
| **3.Luyện tập - Thực hành**  **Bài 3**:  - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.  - Yêu cầu 2 học sinh trao đổi đề.  - Giáo viên nhận xét.  - Yêu cầu hs làm bài.  - GV kiểm tra vở.  - Gọi HS chữa bài, gọi học sinh nhận xét.  - GV chiếu đáp án.  - Ngoài lời giải trên bạn nào có lời giải khác?  **Bài 4**:  - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.  - Yêu cầu 2 học sinh trao đổi đề.  - Giáo viên nhận xét.  - Yêu cầu hs làm bài.  - GV kiểm tra vở.  - Gọi HS chữa bài, gọi học sinh nhận xét.  - GV chiếu đáp án.  - Ngoài lời giải trên bạn nào có lời giải khác?  **- Chốt:** Đây là dạng toán bài toán có lời văn, bớt đi ta thực hiện phép trừ. | **-** Học sinh đọc đề bài.  **- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.  + Bài toán cho biết gì? (Nam có 16 quyển truyện, Nam cho Hoa 5 quyển).  + Bài toán hỏi gì? (Hỏi Nam còn lại bao nhiêu quyển truyện?)  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Nhóm 2**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  \* **Dự kiến**  **Bài giải**  Nam còn lại số quyển truyện là :  16 – 5 = 11 ( quyển)  Đáp số: 11 quyển vở  - HS đối chiếu đáp án trên bảng  - HS nêu ý kiến: Số quyển truyện Nam còn lại là: - HS nhận xét.  **-** Học sinh đọc đề bài.  **- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.  + Bài toán cho biết gì? (Trên sân bay có 11 chiếc máy bay, sau đó có 2 chiếc bay đi).  + Bài toán hỏi gì? (Hỏi trên sân bay còn lại bao nhiêu chiếc máy bay?)  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Nhóm 4**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  \* **Dự kiến**  **Bài giải**  Trên sân còn lại số chiếc máy bay là:  11 – 2 = 9 ( chiếc)  Đáp số: 9 chiếc máy bay  - HS đối chiếu đáp án trên bảng  - HS nêu ý kiến – HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng, trải nghiệm**  - Yêu cầu HS tự nêu một bài toán trong thực tế liên quan đến phép cộng, phép trừ.  - Yêu cầu HS trình bày miệng bài giải đó.  - GV nhận xét và liên hệ đến các tình huống trong thực tế.  - Yêu cầu HS nêu lại nội dung bài học hôm nay?  - Bài học hôm nay cần ghi nhớ :  - Tiến trình giải toán có lời văn,cách trình bày bài giải  - Cho hs tự đánh giá tiết học  - Dặn dò hoàn thành VBTT trang 36  - Xem trước bài toán liên quan đến phép trừ.  - GV nhận xét tiết học. | - HS nêu: Em có 9 nhãn vở. , em cho bạn 4 nhãn vở .Hỏi em còn lại bao nhiêu nhãn vở?  - HS trình bày câu trả lời , phép tính, đáp số  - HS lắng nghe.  - 1em nêu bài học  - HS lắng nghe.  - HS tự đánh giá  - Thực hiện tại nhà  - HS lắng nghe. |
|  | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH TIẾT DẠY (NẾU CÓ)**

***………………………………………………………………………………………***

***………………………………………………………………………………………***

***………………………………………………………………………………………***

***………………………………………………………………………………………***

***………………………………………………………………………………………***

**TIẾT 35 : LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau bài học, HS đạt các yêu cầu sau:

- Luyện tập, suy nghĩ, tìm tòi lời giải và trình bày bài giải: Bài toán có lời văn liên quan đến phép cộng, phép trừ.

- Liên hệ kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống gần với thực tế cuộc sống hằng ngày trong gia đình, cộng đồng.

- Phát triển các năng lực toán học.

-Phát triển NLtư duy và lập luận toán học, NL giao tiếp toán học, NL giải quyết vấn đề toán học.

- Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, có tinh thần hợp tác trong khi làm việc nhóm **II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. GV:** Laptop; màn hình máy chiếu; clip, slide minh họa, …

**2**. **Học sinh**: SHS, vở ô li, VBT, nháp, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - HS chia sẻ những tình huống trong thực tế có liên quan đến phép cộng, phép trừ.  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài mới ghi bảng | - Hát  **\*BHT điều khiển:**  - HS lắng nghe luật chơi  - HS 1 nêu 1 phép trừ có tổng bằng 20  - HS2: Nêu 2 phép trừ lập được từ phép cộng.  - HS nhắc lại tựa. |
| **2. Luyện tập - Thực hành**  **Bài 1**:  - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.  - Yêu cầu 2 học sinh trao đổi đề.  - Giáo viên nhận xét.  - Yêu cầu hs làm bài.  - GV kiểm tra vở.  - Gọi HS chữa bài, gọi học sinh nhận xét.  - GV chiếu đáp án.  - Ngoài lời giải trên bạn nào có lời giải khác?  **Bài 2**:  - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.  - Yêu cầu 2 học sinh trao đổi đề.  - Giáo viên nhận xét.  - Yêu cầu hs làm bài.  - GV kiểm tra vở.  - Gọi HS chữa bài, gọi học sinh nhận xét.  - GV chiếu đáp án.  - Ngoài lời giải trên bạn nào có lời giải khác?  **- Chốt:** Đây là dạng toán bài toán có lời văn, bớt đi ta thực hiện phép trừ. | **-** Học sinh đọc đề bài.  **- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.  + Bài toán cho biết gì? (Lúc đầu trên sân có 6 bạn đang chơi, sau đó có thêm 5 bạn đi đến.)  + Bài toán hỏi gì? (Hỏi trên sân có tất cả bao nhiêu bạn?)  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Nhóm 2**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp - nhận xét, đánh giá.  \* **Dự kiến**  **Bài giải**  Trên sân có tất cả số bạn là:  6 + 5 = 11 ( bạn)  Đáp số: 11 bạn  - HS đối chiếu đáp án trên bảng  - HS nêu ý kiến – HS nhận xét.  **-** Học sinh đọc đề bài.  **- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.  + Bài toán cho biết gì? (Cường có 12 quả bóng, Cường cho em 5 quả.)  + Bài toán hỏi gì? (Hỏi Cường còn lại bao nhiêu quả bóng?)  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Nhóm 4**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  \* **Dự kiến**  **Bài giải**  Cường còn lại số quả bóng là  12 – 5 = 7 (quả)  Đáp số: 7 quả bóng  - HS đối chiếu đáp án trên bảng  - HS nêu ý kiến – HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |
| **Bài 3**:  - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.  - Yêu cầu 2 học sinh trao đổi đề.  - Giáo viên nhận xét.  - Yêu cầu hs làm bài.  - GV kiểm tra vở.  - Gọi HS chữa bài, gọi học sinh nhận xét.  - GV chiếu đáp án.  - Ngoài lời giải trên bạn nào có lời giải khác?  **- Chốt:** Đây là dạng toán bài toán có lời văn, về thêm một số đơn vị, bớt một số đơn vị và gộp.  **Bài 4**:  - Yêu cầu 1 HS đọc đề bài.  - Yêu cầu 2 học sinh trao đổi đề.  - Giáo viên nhận xét.  - Yêu cầu hs làm bài.  - GV kiểm tra vở.  - Gọi HS chữa bài, gọi học sinh nhận xét.  - GV chiếu đáp án.  - Ngoài lời giải trên bạn nào có lời giải khác?  - GV chốt: dạng toán giải tách một số đơn vị, vận dụng cách trừ có nhớ trong phạm vi 20. | **-** Học sinh đọc đề bài.  **- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.  + Bài toán cho biết gì? (Tham dự cuộc thi viết về chủ đề “Em yêu biển đảo Việt Nam”, đội Hải Âu có 25 bài dự thi, đội Chim Én có 30 bài dự thi.)  + Bài toán hỏi gì? (Hỏi hai đội có tất cả bao nhiêu bài dự thi?)  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  \* **Dự kiến**  **Bài giải**  Cả hai đội có tất cả số bài dự thi là:  30 + 25 = 55 ( bài )  Đáp số: 55 bài  - HS đối chiếu đáp án trên bảng  - HS nêu ý kiến – HS nhận xét.  - HS lắng nghe.  **-** Học sinh đọc đề bài.  **- Nhóm 2:** Học sinh hỏi đáp nêu yêu cầu đề.  + Bài toán cho biết gì? (Lớp 2B trồng 12 khóm hoa, trong đó có 3 khóm đã nở hoa.)  + Bài toán hỏi gì? (Hỏi còn bao nhiêu khóm chưa nở hoa?)  - **Cá nhân**: H/s làm bài.  - **Nhóm 4**: Đổi chéo vở kiểm tra nhau.  - **Toàn lớp:** HS lên chia sẻ KQ trước lớp- nhận xét, đánh giá.  \* **Dự kiến**  **Bài giải**  Số khóm hoa chưa nở là:  12 – 3 = 9 (khóm )  Đáp số: 9 khóm hoa  - HS đối chiếu đáp án trên bảng  - HS nêu ý kiến – HS nhận xét.  - HS lắng nghe. |
| **3. Vận dụng, trải nghiệm**  - Nêu một bài toán dạng ít hơn trong thực tế.  - Hoàn thành vở BTT.  - Chuẩn bị bài tiết sau.  - GV nhận xét tiết học. | - HS tiếp nối nêu. HS nhận xét.  - Thực hiện tại nhà. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH TIẾT HỌC (NẾU CÓ)**

***………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………***